

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự án Sửa chữa, bảo dưỡng các trạm y tế xã Mường Lạn,
Mường Lèo, Púng Bính thuộc Trung tâm Y tế khu vực Sốp Cộp**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

*Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của
Luật Xây dựng năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về
quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo
trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của
Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 175/2024/NĐ-CP
ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi
hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng
hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông
tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức
xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng
Hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối
lượng công trình; Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 của Bộ Xây
dựng sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số
12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ xây dựng; Thông tư số
14/2023/TT-BXD ngày 26/12/2023 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số
điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ xây
dựng; Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 của Bộ Xây dựng về việc
sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh
tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày
31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và
quản lý chi phí đầu tư xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông
tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; Thông tư
số 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số
định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021
của Bộ Xây dựng;*

Căn cứ Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính quy

định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 1615/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của UBND tỉnh Sơn La ban hành quy định về quản lý, điều hành ngân sách địa phương năm 2025; Quyết định số 1575/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước cấp huyện còn lại khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp năm 2025 (đợt 1); Quyết định số 1831/QĐ-UBND ngày 19/7/2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước cấp huyện còn lại khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp năm 2025 (đợt 2); Công văn số 7145/UBND-KGVX ngày 27/11/2025 về việc bố trí kinh phí cải tạo, nâng cấp sửa chữa, bảo dưỡng tài sản công cho Bệnh viện đa khoa tỉnh, Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh, Trung tâm y tế Khu vực: Sơn La, Yên Châu, Phù Yên, Sốp Cộp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại tờ trình số 735/TTr-SXD ngày 04/12/2025, Thông báo kết quả thẩm định số 5175/SXD-QLXD ngày 02/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Sửa chữa, bảo dưỡng các trạm y tế xã Mường Lạn, Mường Lèo, Púng Bính thuộc Trung tâm Y tế khu vực Sốp Cộp, với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Sửa chữa, bảo dưỡng các trạm y tế xã Mường Lạn, Mường Lèo, Púng Bính thuộc Trung tâm Y tế khu vực Sốp Cộp.

2. Địa điểm xây dựng: Các xã Mường Lạn, Mường Lèo, Púng Bính, tỉnh Sơn La.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La.

4. Chủ đầu tư: Trung tâm Y tế khu vực Sốp Cộp.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty cổ phần Vạn Thắng Tây Bắc; địa chỉ: Số nhà 192, đường Nguyễn Văn Linh, tổ 7, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La (*nay là phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La*).

6. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Dự án nhóm C; công trình dân dụng, cấp III.

7. Mục tiêu dự án: Ngăn chặn sự xuống cấp của công trình, khang trang cơ sở vật chất; đáp ứng được nhu cầu, hiệu quả sử dụng của đơn vị và đảm bảo điều kiện làm việc, công tác cho cán bộ, y bác sỹ sau khi tiếp nhận lại cơ sở vật chất và đáp ứng điều kiện tốt nhất việc vận hành chính quyền địa phương 2 cấp.

8. Quy mô đầu tư xây dựng, giải pháp thiết kế

8.1. Quy mô đầu tư xây dựng: Bảo dưỡng, sửa chữa nhà làm việc, nhà lưu

bệnh nhân và các hạng mục phụ trợ các trạm y tế xã Mường Lạn, Mường Lèo, Púng Bánh thuộc Trung tâm Y tế khu vực Sốp Cộp.

8.2. Giải pháp thiết kế chủ yếu

8.2.1. Trạm y tế xã Mường Lạn

a) Nhà làm việc 02 tầng, diện tích xây dựng 153 m², tổng diện tích sàn 326 m²

- Bóc dỡ lớp vữa láng sê nô mái, mái sảnh; láng lại bằng vữa xi măng mác 100 dày 2 cm; bề mặt lán 3 nước dung dịch chống thấm chuyên dụng;

- Bóc dỡ một số vị trí lớp vữa trát tường, cột trụ trong và ngoài nhà (khoảng 10% diện tích), trát lại bằng vữa xi măng mác 75 dày 1,5 cm; phần diện tích tường, cột trụ còn lại, dặm trần cao lớp sơn; toàn bộ sơn lại 3 nước không bả;

- Bóc dỡ toàn bộ gạch lát nền, sàn nhà; bóc dỡ lớp mài granito bậc cầu thang, tam cấp; nền, sàn lát lại bằng gạch ceramic kích thước (60x60) cm; bậc cầu thang, tam cấp ốp, lát lại bằng đá granite;

- Tháo dỡ toàn bộ hệ thống cửa đi, cửa sổ, hoa sắt cửa sổ; cửa đi, cửa sổ thay thế bằng cửa khuôn nhôm hệ, kính 2 lớp dày 6,38 mm; hoa sắt cửa sổ thay thế bằng thép hộp inox tổ hợp hàn.

b) Nhà lưu trú bệnh nhân 01 tầng, diện tích xây dựng 138 m²

- Bóc dỡ lớp vữa láng sê nô mái; láng lại bằng vữa xi măng mác 100 dày 2 cm; bề mặt lán 3 nước dung dịch chống thấm chuyên dụng;

- Bóc dỡ một số vị trí lớp vữa trát tường, dặm trần, cột trụ trong và ngoài nhà (khoảng 10% diện tích), trát lại bằng vữa xi măng mác 75 dày 1,5 cm; phần diện tích tường, dặm trần, cột trụ còn lại cao lớp sơn; toàn bộ sơn lại 3 nước không bả;

- Cao lớp sơn lan can hành lang, hoa văn trang trí; sơn lại 3 nước chống gỉ;

- Tháo dỡ hệ thống cửa đi, cửa sổ, hoa sắt cửa sổ hiện trạng; thay thế bằng cửa khuôn nhôm hệ, kính 2 lớp dày 6,38 mm; hoa sắt thay thế bằng thép hộp inox tổ hợp hàn;

- Tháo dỡ và thay thế thiết bị điện (bóng đèn, quạt trần), thiết bị vệ sinh (xí bệt, chậu rửa, vòi).

c) Hạng mục phụ trợ

- Cổng chính: Cao lớp sơn trụ cổng (trừ phần tường đã ốp gạch thẻ), sơn lại 3 nước không bả. Cao gờ sắt hộp cánh cổng, sơn lại 3 nước;

- Sân: Diện tích 332,4 m², vệ sinh mặt sân, láng vữa xi măng mác 50 dày trung bình 2 cm tạo phẳng; bề mặt lát gạch bê tông giả đá kích thước (40x40) cm;

- Rãnh thoát nước: Chiều dài 71,6 m; tháo dỡ toàn bộ tấm đan rãnh, nạo vét lòng rãnh; xây bù tường nâng cao thành rãnh bằng gạch không nung vữa xi măng mác 75, trát tường vữa xi măng mác 75 dày 1,5 cm; thay thế 10 tấm đan bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200) dày 7 cm và lắp đặt lại toàn bộ tấm đan.

8.2.2. Trạm y tế xã Púng Bánh (bao gồm điểm trạm y tế xã Púng Bánh và Sam Kha)

a) Điểm trạm y tế Púng Bánh

* *Nhà làm việc 01 tầng 19 phòng, diện tích xây dựng 662 m²*: Tháo dỡ một số vị trí cửa đi, cửa sổ, hoa sắt cửa sổ hiện trạng; cửa đi, cửa sổ thay thế bằng cửa khuôn nhôm hệ, kính 2 lớp dày 6,38 mm; hoa sắt thay thế bằng thép hộp inox tổ hợp hàn;

* *Các hạng mục phụ trợ*

- Sân: Diện tích 677 m², vệ sinh mặt sân, láng vữa xi măng mác 50 dày trung bình 2 cm tạo phẳng; bề mặt lát gạch bê tông giả đá kích thước (40x40) cm;

- Rãnh thoát nước: Chiều dài 80 m; tháo dỡ toàn bộ tấm đan rãnh, nạo vét lòng rãnh; xây bù tường nâng cao thành rãnh bằng gạch không nung vữa xi măng mác 75, trát tường vữa xi măng mác 75 dày 1,5 cm; thay thế 05 tấm đan bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200) dày 7 cm và lắp đặt lại toàn bộ tấm đan.

b) Điểm trạm y tế Sam Kha

* *Nhà lưu bệnh nhân 01 tầng, diện tích xây dựng 138 m²*

- Bóc dỡ lớp vữa láng sê nô mái; láng lại bằng vữa xi măng mác 100 dày 2 cm; bề mặt lán 3 nước dung dịch chống thấm chuyên dụng;

- Bóc dỡ một số vị trí lớp vữa trát tường, dầm trần, cột trụ trong và ngoài nhà (khoảng 10% diện tích), trát lại bằng vữa xi măng mác 75 dày 1,5 cm; phần diện tích tường, dầm trần, cột trụ còn lại cạo lớp sơn; toàn bộ sơn lại 3 nước không bả;

- Cạo lớp sơn lan can hành lang, hoa văn trang trí, hoa sắt cửa sổ; sơn lại 3 nước chống gỉ;

- Tháo dỡ và thay thế thiết bị điện (bóng đèn, quạt trần).

* *Các hạng mục phụ trợ*

- Rãnh thoát nước: Chiều dài 72,82 m; tháo dỡ toàn bộ tấm đan rãnh, nạo vét lòng rãnh; xây bù tường nâng cao thành rãnh bằng gạch không nung vữa xi măng mác 75, trát tường vữa xi măng mác 75 dày 1,5 cm; thay thế 10 tấm đan bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200) dày 7 cm và lắp đặt lại toàn bộ tấm đan;

- Sân S1: Diện tích 394,46 m²; cấu tạo sân: Gạch lát bê tông giả đá kích thước (40x40) cm/vữa lót xi măng mác 75 dày 2 cm/nền sân bê tông hiện trạng;

- Sân S2: Diện tích 195 m²; cấu tạo sân: Gạch lát bê tông giả đá kích thước (40x40) cm/vữa lót xi măng mác 75 dày 2cm (cấu tạo)/nền sân bê tông xi măng cấp độ bền B15 (mác 200) dày 10 cm/đất nền hiện trạng.

8.2.3. Trạm y tế xã Mường Lèo

a) *Nhà lưu trú bệnh nhân 01 tầng, diện tích xây dựng 138 m²*

- Bóc dỡ lớp vữa láng sê nô mái; láng lại bằng vữa xi măng mác 100 dày 2

cm; bề mặt lăn 3 nước dung dịch chống thấm chuyên dụng;

- Bóc dỡ một số vị trí lớp vữa trát tường, dầm trần, cột trụ trong và ngoài nhà (khoảng 10% diện tích), trát lại bằng vữa xi măng mác 75 dày 1,5 cm; phần diện tích tường, dầm trần, cột trụ còn lại cạo lớp sơn; toàn bộ sơn lại 3 nước không bả;

- Cạo lớp sơn lan can hành lang, hoa văn trang trí; sơn lại 3 nước chống gỉ;
- Tháo dỡ và thay thế thiết bị điện (bóng đèn, quạt trần).

b) Các hạng mục phụ trợ

- Sân bê tông: Diện tích 100 m², san gạt tạo mặt bằng, đổ nền sân bằng bê tông xi măng cấp độ bền B15 (mác 200) dày 10cm.

8.2.4. Các chi tiết khác: Theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt.

9. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

9.1. Quy chuẩn

- QCVN 01-2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;
- QCVN 02-2022/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng;
- QCVN 03-2022/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp công trình phục vụ thiết kế xây dựng;
- QCVN 06-2022/BXD: Quy chuẩn quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình; Quy chuẩn sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD về an toàn cháy cho nhà và công trình;
- QCVN 07-2023/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật;
- QCVN 09-2017/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả;
- QCVN 10-2024/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo tiếp cận sử dụng;
- QCVN 12-2014/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống điện của nhà ở và công trình công cộng;
- QCVN 14-2025/BNNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung;
- QCVN 16-2023/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;
- QCVN 18-2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong thi công xây dựng;
- QCVN 25-2025/BCT: Quy chuẩn quốc gia về an toàn điện.

9.2. Tiêu chuẩn

- TCVN 4513-1988: Cấp nước bên trong-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 2622-1995: Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình-Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 7022-2002: Trạm y tế cơ sở - Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 7435-1-2004: Phòng cháy chữa cháy-bình chữa cháy xách tay và xe đẩy chữa cháy -phần 1: Lựa chọn và bố trí;
- Bộ TCVN 7305-2008: Hệ thống ống nhựa-ống Polyetylen (PE) và phụ tùng dùng để cấp nước;
- TCVN 5573-2011: Kết gạch đá và gạch đá cốt thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 4319-2012: Nhà và công trình công cộng-Nguyên tắc cơ bản để thiết kế;
- TCVN 4447-2012: Công tác đất-Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 9362-2012: Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình;
- TCVN 9379-2012: Kết cấu xây dựng và nền-Nguyên tắc cơ bản về tính toán;
- TCVN 9206-2012: Lắp đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9207-2012: Lắp đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9385-2012: Chống sét cho công trình xây dựng-Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống;
- TCVN 9404-2012: Sơn xây dựng-Phân loại;
- TCVN 9406-2012: Sơn-Phương pháp không phá hủy xác định chiều dày màng sơn khô;
- TCVN 9366-2012: Cửa đi, cửa sổ-Phần 2 cửa kim loại;
- TCVN 5935-2013 (IEC 60502-2009): Tiêu chuẩn về cáp điện;
- TCVN 4732-2016: Đá ốp, lát đá tự nhiên;
- TCVN 5574-2018: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9115-2019: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép-Quy phạm thi công và nghiệm thu;
- Hướng dẫn ban hành kèm theo Thông tư số 32/2021/TT-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành hướng dẫn thiết kế cơ bản trạm y tế xã, phường, thị trấn;
- Tiêu chuẩn IEC 60364: Lắp đặt điện trong công trình xây dựng;

- TCVN 13456-2022: Phòng cháy chữa cháy-phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn-yêu cầu thiết kế, lắp đặt;
- TCVN 2737-2023: Tiêu chuẩn tải trọng và tác động;
- TCVN 3890-2023: Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình-Trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng;
- TCVN 13606-2023: Cấp nước-mạng lưới đường ống và công trình yêu cầu thiết kế;
- TCVN 7957-2023: Thoát nước-Mạng lưới và công trình bên ngoài-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 7026-2025: Chữa cháy-bình chữa cháy xách tay-tính năng và cấu tạo;
- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác có liên quan.

10. Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng: 2.103,324 triệu đồng.

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	1.826,279	triệu đồng;
- Chi phí quản lý dự án	57,212	triệu đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD	104,701	triệu đồng;
- Chi phí khác	14,639	triệu đồng;
- Chi phí dự phòng	100,493	triệu đồng;

11. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2025.

12. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án

- Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh.
- Dự kiến bố trí kế hoạch vốn:

ĐVT: Triệu đồng

Năm	Vốn ngân sách tỉnh	Tổng cộng
2025	2.103,324	2.103,324

13. Hình thức quản lý dự án: Thuê đơn vị tư vấn quản lý dự án.

14. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): Không có.

15. Các nội dung khác: Thực hiện theo kiến nghị tại kết quả thẩm định số 5175/SXD-QLXD ngày 02/12/2025 của Sở Xây dựng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trung tâm Y tế khu vực Sốp Cộp (chủ đầu tư)

- Có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo các nội dung tại Điều 1 Quyết định này, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, hiệu quả, không để thất thoát, lãng phí vốn đầu tư; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chuẩn xác, tính hợp pháp của các thông tin, số liệu của hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt; quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng theo đúng quy định;

- Đóng dấu phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công của Báo cáo kinh tế-kỹ thuật theo quy định tại khoản 8 Điều 15 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

2. Sở Xây dựng: Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện theo dõi, kiểm tra, giám sát và đánh giá đầu tư theo quy định tại Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; Hướng dẫn chủ đầu tư triển khai thực hiện dự án tuân thủ quy định pháp luật về xây dựng theo thẩm quyền quản lý; tổng hợp, tham mưu xử lý các nội dung vướng mắc trong quá trình triển khai dự án (nếu có).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Xây dựng, Y tế; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực X; Giám đốc Trung tâm Y tế khu vực Sốp Cộp; Thủ trưởng cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (t/h);
- Trung tâm thông tin tỉnh, TTPVHCC;
- Chủ đầu tư 5 bản.
- Lưu: VT, KGVX, Bắc.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hà Trung Chiến